#### Báo cáo mẫu IA/NĐ62

##### Thông tin chung chức năng

Đường link: Báo cáo thống kê/ Các mẫu báo cáo khác/ Danh sách báo cáo/ Phụ lục IA-ND62

##### Màn hình



##### Mô tả chi tiết các thành phần

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 | Đơn vị |  | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 2 | Ngày xuất báo cáo |  | Calendar control |  | NULL | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |

Template báo cáo:

Cách lấy trường dữ liệu:

* Tổng cộng (I + II + III...)= Tổng của các loại hình tổ chức có số TT la mã
* (1) TT:
* Đối với đơn vị đã chọn 🡪 TT để Null
* Đối với đơn vị có ORG\_LEVEL= ORG\_LEVEL+1 của đơn vị đã chọn 🡪 TT để số la mã tăng dần từ I, II....
* Đối với đơn vị có ORG\_LEVEL= ORG\_LEVEL+2 của đơn vị đã chọn 🡪 TT để số số nguyên tăng dần từ 1,2....
* Đối với đơn vị có ORG\_LEVEL= ORG\_LEVEL+3 của đơn vị đã chọn 🡪 TT để null
* (2) Loại hình tổ chức = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

((ORG\_LEVEL IN (ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+1, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+2, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+3) 🡪 Đối với ORGANIZATION.CODE!= G04 ) OR (ORG\_LEVEL IN (ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+1, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+2) ORG\_LEVEL IN (ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+1, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+2, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+3) 🡪 Đối với ORGANIZATION.CODE= G04))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

* (3) Số lượng tổ chức: Hiện tại để trống
* (4) = (5)+(6)
* Tổng số =(5)+(6)
* (5) = Biên chế được giao năm- Biên chế công chức:

= Sum (ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OFFICAL\_NUMBER) của bản ghi có:

ORG\_HANDOVER\_MEMBER.ASSIGNING\_DATE là Max

AND

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng ))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

YEAR =Năm của ngày xuất báo cáo

* (6) = Biên chế được giao năm- HDLD theo HDLD theo NĐ 68 và NĐ 161:

= Sum (ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

ORG\_HANDOVER\_MEMBER.ASSIGNING\_DATE là Max

AND

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng ))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo

* ( (7) = (8)+(9)
* (8) = Công chức:

= Sum (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

WORK\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID= EMP\_TYPE. EMP\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE = CC

AND

(Ngày xuất báo cáo between ( WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK. EXPIRED\_DATE) OR (Ngày xuất báo cáo>= WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE and WORK\_PROCES. EXPIRED\_DATEIS NULL)

* (9)

= Sum (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

WORK\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID= EMP\_TYPE. EMP\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE = HD68

AND

(Ngày xuất báo cáo between ( WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK. EXPIRED\_DATE) OR (Ngày xuất báo cáo>= WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE and WORK\_PROCES. EXPIRED\_DATEIS NULL)

* (10) = (11)+(12)
* (11) =

Sum( ORG\_BOUNDARY\_MEMBER.EMP\_TYPE\_OFFICAL\_NUMBER)của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo

* (12) = Sum(ORG\_BOUNDARY\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi:
* (ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo

* (13) = (14)+(15)

Hiển thị hết số nguyên dương nếu:

Số thực tế >=0 🡪 Hiển thị màu đen

Số thực tế <0 🡪 Hiển thị màu đỏ

* (14) = (11)- (5)

Hiển thị hết số nguyên dương nếu:

Số thực tế >=0 🡪 Hiển thị màu đen

Số thực tế <0 🡪 Hiển thị màu đỏ

* (15) = (12)- (6)

Hiển thị hết số nguyên dương nếu:

Số thực tế >=0 🡪 Hiển thị màu đen

Số thực tế <0 🡪 Hiển thị màu đỏ

#### Báo cáo mẫu IIA/NĐ62

##### Thông tin chung chức năng

Đường link: Báo cáo thống kê/ Các mẫu báo cáo khác/ Danh sách báo cáo/ Phụ lục IIA-ND62

##### Màn hình



##### Mô tả chi tiết các thành phần

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 | Đơn vị |  | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 2 | Ngày xuất báo cáo |  | Calendar control |  | NULL | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |

Template báo cáo:

Cách lấy trường dữ liệu:

* Tổng cộng (I + II + III...)= Tổng của các loại hình tổ chức có số TT la mã
* (1) TT:
* Đối với đơn vị đã chọn 🡪 TT để Null
* Đối với đơn vị có ORG\_LEVEL= ORG\_LEVEL+1 của đơn vị đã chọn 🡪 TT để số la mã tăng dần từ I, II....
* Đối với đơn vị có ORG\_LEVEL= ORG\_LEVEL+2 của đơn vị đã chọn 🡪 TT để số số nguyên tăng dần từ 1,2....
* Đối với đơn vị có ORG\_LEVEL= ORG\_LEVEL+3 của đơn vị đã chọn 🡪 TT để null
* (2) Loại hình tổ chức = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

((ORG\_LEVEL IN (ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+1, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+2, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+3) 🡪 Đối với ORGANIZATION.CODE!= G04 ) OR (ORG\_LEVEL IN (ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+1, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+2) ORG\_LEVEL IN (ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+1, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+2, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+3) 🡪 Đối với ORGANIZATION.CODE= G04))

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

* (3) Số lượng tổ chức: Hiện tại để trống
* (4) = (5)+(6)
* Tổng số =(5)+(6)
* (5) = Biên chế được giao năm- Biên chế công chức:

= Sum (ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OFFICAL\_NUMBER) của bản ghi có:

ORG\_HANDOVER\_MEMBER.ASSIGNING\_DATE là Max

AND

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo

* (6) = Biên chế được giao năm- HDLD theo HDLD theo NĐ 68 và NĐ 161:

= Sum (ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

ORG\_HANDOVER\_MEMBER.ASSIGNING\_DATE là Max

AND

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo

* ( (7) = (8)+(9)
* (8) = Công chức:

= Sum (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

WORK\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID= EMP\_TYPE. EMP\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE = CC

AND

(Ngày xuất báo cáo between ( WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK. EXPIRED\_DATE) OR (Ngày xuất báo cáo>= WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE and WORK\_PROCES. EXPIRED\_DATEIS NULL)

* (9) =

= Sum (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

WORK\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID= EMP\_TYPE. EMP\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE = HD68

AND

(Ngày xuất báo cáo between ( WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK. EXPIRED\_DATE) OR (Ngày xuất báo cáo>= WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE and WORK\_PROCES. EXPIRED\_DATEIS NULL)

* (10) = (11)+(12)

Hiển thị hết số nguyên dương nếu:

Số thực tế >=0 🡪 Hiển thị màu đen

Số thực tế <0 🡪 Hiển thị màu đỏ

* (11) = (5)- (8)

Hiển thị hết số nguyên dương nếu:

Số thực tế >=0 🡪 Hiển thị màu đen

Số thực tế <0 🡪 Hiển thị màu đỏ

* (12) = (6)- (9)

Hiển thị hết số nguyên dương nếu:

Số thực tế >=0 🡪 Hiển thị màu đen

Số thực tế <0 🡪 Hiển thị màu đỏ

#### Báo cáo mẫu IIIA/NĐ62

##### Thông tin chung chức năng

Đường link: Báo cáo thống kê/ Các mẫu báo cáo khác/ Danh sách báo cáo/ Phụ lục IIIA-ND62

##### Màn hình



##### Mô tả chi tiết các thành phần

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 | Đơn vị |  | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 2 | Ngày xuất báo cáo |  | Calendar control |  | NULL | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |

Template báo cáo:

Cách lấy trường dữ liệu:

* Tổng cộng (I + II + III...)= Tổng của các loại hình tổ chức có số TT la mã
* (1) TT:
* Đối với đơn vị đã chọn 🡪 TT để Null
* Đối với đơn vị có ORG\_LEVEL= ORG\_LEVEL+1 của đơn vị đã chọn 🡪 TT để số la mã tăng dần từ I, II....
* Đối với đơn vị có ORG\_LEVEL= ORG\_LEVEL+2 của đơn vị đã chọn 🡪 TT để số số nguyên tăng dần từ 1,2....
* (2) Loại hình tổ chức = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

((ORG\_LEVEL IN (ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+1 🡪 Đối với ORGANIZATION.CODE!= G04 ) OR (ORG\_LEVEL =ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+1, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+2) OR ORG\_LEVEL IN (ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+1, ORG\_LEVEL của đơn vị đã chọn+2) 🡪 Đối với ORGANIZATION.CODE= G04))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

* (3) = (4) +(5)+(6)+(7)+(8)
* (4)

= Sum (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

WORK\_PROCESS\_ID= WORK\_PROCESS\_WORK\_POSITION. WORK\_PROCESS\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION.TYPE =1

AND

(Ngày xuất báo cáo between ( WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK. EXPIRED\_DATE) OR (Ngày xuất báo cáo>= WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE and WORK\_PROCES. EXPIRED\_DATEIS NULL)

* (5)

= Sum (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

WORK\_PROCESS\_ID= WORK\_PROCESS\_WORK\_POSITION. WORK\_PROCESS\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION.TYPE =2

AND

(Ngày xuất báo cáo between ( WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK. EXPIRED\_DATE) OR (Ngày xuất báo cáo>= WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE and WORK\_PROCES. EXPIRED\_DATEIS NULL)

* (6)

= Sum (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

WORK\_PROCESS\_ID= WORK\_PROCESS\_WORK\_POSITION. WORK\_PROCESS\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION.TYPE =3

AND

(Ngày xuất báo cáo between ( WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK. EXPIRED\_DATE) OR (Ngày xuất báo cáo>= WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE and WORK\_PROCES. EXPIRED\_DATEIS NULL)

* (7)

= Sum (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

WORK\_PROCESS\_ID= WORK\_PROCESS\_WORK\_POSITION. WORK\_PROCESS\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION.TYPE =4

AND

(Ngày xuất báo cáo between ( WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK. EXPIRED\_DATE) OR (Ngày xuất báo cáo>= WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE and WORK\_PROCES. EXPIRED\_DATEIS NULL)

* (8)

= Sum (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng OR

(PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị tương ứng))

AND

( Ngày báo cáo between (ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE, ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE OR (Ngày báo cáo >= ORGANIZATION. EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION. EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION .ORG\_CAREER\_ID is null

AND

Đơn vị có PATH LIKE thuộc (PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị có CODE IN(KDVTM, KĐVCN, CĐVSN))

AND

WORK\_PROCESS\_ID= WORK\_PROCESS\_WORK\_POSITION. WORK\_PROCESS\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION.TYPE =5

AND

(Ngày xuất báo cáo between ( WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK. EXPIRED\_DATE) OR (Ngày xuất báo cáo>= WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE and WORK\_PROCES. EXPIRED\_DATEIS NULL)

#### Báo cáo mẫu IA/NĐ106

##### Thông tin chung chức năng

Đường link: Báo cáo thống kê/ Báo cáo theo nhu cầu/ Tổng hợp báo cáo biên chế

##### Màn hình thêm mới



##### Mô tả chi tiết các thành phần

Bảng TEMPLATE\_PAYROLL

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 |  | ID | Number |  |  | Tự động tăng dần từ 1 |
| 2 | Đơn vị | ORGANIZARION\_ID | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 3 | Năm | YEAR | Combobox |  | NULL | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa  Hiển thị danh sách từ Năm hiện tại-50 năm đến Năm hiện tại + 50 năm |
| 4 | File báo cáo |  |  |  | NULL | File báo cáo phải dưới dạng xlsx 🡪 Không ra thông báo: File upload phải là file có đuôi xlsx  File báo cáo file đúng như file biểu mẫu 🡪 Ra thông báo: File báo cáo không đúng định dạng  File đính kèm lưu tại bảng ATTACHMENT\_FILE với OBJECT\_ID = TEMPLATE\_PAYROLL.ID của bản ghi  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 5 | Người tạo | CREATE\_UID | Number |  |  | = SYS\_USER.ID của user thao tác  Không hiển thị trên giao diện. |
| 6 | Ngày tạo | CREATE\_DATE | Datetime |  |  | = Thời gian user tạo  Không hiển thị trên giao diện. |
| 7 | Người update | UPDATE\_UID | Number |  |  | = SYS\_USER.ID của user thao tác  Không hiển thị trên giao diện. |
| 8 | Ngày update | UPDATE\_DATE | Datetime |  |  | = Thời gian update  Không hiển thị trên giao diện. |
| 9 | Lưu lại |  | Button |  |  | Lưu thành công🡪 Bản ghi lưu vào DB bảng TEMPLATE\_PAYROLL  Bắt validate Một đơn vị chir được import 1 năm 1 lần 🡪 Ra thông báo : Đơn vị đã có import báo cáo trong năm 🡪 Không cho lưu |
| 10 | Hủy |  | Button |  |  | Bản ghi không được lưu vào DB🡪 quay về màn hình danh sách |
| 11 | Tải file mẫu |  | Icon |  |  | Click Icon tải file mẫu🡪 sẽ tải file mẫu như template |

##### Màn hình Sửa



##### Mô tả chi tiết các thành phần

Bảng TEMPLATE\_PAYROLL

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 |  | ID | Number |  |  | Tự động tăng dần từ 1 |
| 2 | Đơn vị | ORGANIZARION\_ID | Tree picker |  | = Đơn vị của bản ghi đang xét | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 3 | Năm | YEAR | Combobox |  | = Năm báo cáo của bản ghi đang xét | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa  Hiển thị danh sách từ Năm hiện tại-50 năm đến Năm hiện tại + 50 năm |
| 4 | File báo cáo |  |  |  | = File báo cáo của bản ghi đang xét | = Năm báo cáo của bản ghi đang xét |
| 5 | Người tạo | CREATE\_UID | Number |  |  | = SYS\_USER.ID của user thao tác  Không hiển thị trên giao diện. |
| 6 | Ngày tạo | CREATE\_DATE | Datetime |  |  | = Thời gian user tạo  Không hiển thị trên giao diện. |
| 7 | Người update | UPDATE\_UID | Number |  |  | = SYS\_USER.ID của user thao tác  Không hiển thị trên giao diện. |
| 8 | Ngày update | UPDATE\_DATE | Datetime |  |  | = Thời gian update  Không hiển thị trên giao diện. |
| 9 | Lưu lại |  | Button |  |  | Lưu thành công🡪 Bản ghi lưu vào DB bảng TEMPLATE\_PAYROLL |
| 10 | Hủy |  | Button |  |  | Bản ghi không được lưu vào DB🡪 quay về màn hình danh sách |
| 11 | Tải file mẫu |  | Icon |  |  | Click Icon tải file mẫu🡪 sẽ tải file mẫu như template |

##### Màn hình tìm kiếm



##### Mô tả chi tiết các thành phần

Bảng TEMPLATE\_PAYROLL

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 | Đơn vị |  | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 2 | Năm |  | Combobox |  | NULL | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa  Hiển thị danh sách từ Năm hiện tại-50 năm đến Năm hiện tại + 50 năm |
| DANH SÁCH BÁO CÁO | | | | | | |
| 3 | STT |  | Number |  |  | Tăng dần từ 1 |
| 4 | Sửa |  | icon |  |  | Click vào icon Sửa 🡪 mở ra màn hình Sửa |
| 5 | Xóa |  | icon |  |  | Click vào icon Xóa🡪 mở ra popup các nhận :  Click vào button Không🡪 đóng màn popup quya về màn danh sách  Click vào button Có 🡪 bản ghi sẽ bị xóa khỏi giao diện và DB tại bảng  TEMPLATE\_PAYROLL |
| 6 | Đơn vị |  | DataGridView |  | = Đơn vị của bản ghi thỏa mãn điều kiện lọc | Mặc định = TEMPLATE\_PAYROLL. ORGANIZARION\_ID của bản ghi thỏa mãn điều kiện lọc  Read only |
| 7 | Năm |  | DataGridView |  | = Năm của bản ghi thỏa mãn điều kiện lọc | Mặc định = TEMPLATE\_PAYROLL. YEAR của bản ghi thỏa mãn điều kiện lọc  Read only |
| 8 | File báo cáo |  | DataGridView |  | = File báo cáo bản ghi thỏa mãn điều kiện lọc |  |
| 10 | Tìm kiếm |  | Button |  |  | Click vào button tìm kiếm 🡪  hiển thị danh sách thỏa mãn điều kiện lọc.  Không nhập các điều kiện: Tìm kiếm all  Nhập ít nhất 1 điều kiện trở lên: Tìm kiếm theo điều kiện  Đơn vị : Tìn kiếm bản ghi có TEMPLATE\_PAYROLL.ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn Đơn vị đã chọn  OR TEMPLATE\_PAYROLL.ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID của đơn vị có PATH like % (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn) |
| 11 | Phân trang |  |  |  |  | Phân trang 10 bản ghi /1 trang |
| 12 | Tổng hợp báo cáo |  |  |  |  | Click vào Tổng hợp báo cáo🡪 mở ra màn hình tổng hợp báo cáo |

##### Tổng hợp báo cáo



##### Mô tả chi tiết các thành phần

Bảng TEMPLATE\_PAYROLL

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 | Đơn vị | ORGANIZARION\_ID | Tree picker |  | = Đơn vị của bản ghi đang xét | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 2 | Năm | YEAR | Combobox |  | = Năm báo cáo của bản ghi đang xét | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa  Hiển thị danh sách từ Năm hiện tại-50 năm đến Năm hiện tại + 50 năm |
| 3 | Tổng hợp báo cáo |  |  |  |  | Click vào button Tổng hợp báo cáo🡪 xuất file excel như Template tổng hợp báo cáo |
| 4 | Hủy |  | Button |  |  | Đóng màn hình🡪 chuyển về màn danh sách |

Template báo cáo: 

Cách lấy trường dữ liệu:

* (1) TT
* Đối với số thứ tự A,B, I, II, III, IV, V, VI, VII fix cứng như template
* Đối với các đơn vị động theo loại hình như Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo🡪 STT để NULL
* (2) Loại hình:
* Đối với số thứ tự A,B, I, II, III, IV, V, VI, VII fix cứng như template
* Đối với các đơn vị động theo loại hình như Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo thì:

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và thuộc Giáo dục – Đào tạo 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và thuộc Y tế 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và thuộc Nghiên cứu khoa học 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

( ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và thuộc Thông tin truyền thông 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và thuộc Sự nghiệp khác 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

( ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Giáo dục – Đào tạo 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

( ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Nghiên cứu khoa học 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID củu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Thông tin truyền thông 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Sự nghiệp khác 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

( ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Giáo dục – Đào tạo 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Y tế 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

( ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Nghiên cứu khoa học 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Thông tin truyền thông 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

+ Đối với đơn vị thuộc Đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và thuộc Sự nghiệp khác 🡪 Loại hình = ORGANIZATION.NAME của bản ghi có:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* (3): Bỏ trống
* (4):
* Tương ứng cột tổng cộng (A +B) = Tổng của A+ B
* Tương ứng với cột A= Tổng cột I+II+III+IV+V+VI+VII (Thuộc mục A)
* Tương ứng với cột B= Tổng cột I+II+III+IV+V+VI+VII (Thuộc mục B)
* Tương ứng các cột I của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột II của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột III của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột IV của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột V của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột VI của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột VII của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột I của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột II của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

(Ngày báo cáo between (ORGANIZATION .EFFECTIVE\_DATE.EXPIRED\_DATE) OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột III của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột IV của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột V của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

AND

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột VI của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột VII của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

AND

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* (5):
* Tương ứng cột tổng cộng (A +B) = Tổng của A+ B
* Tương ứng với cột A= Tổng cột I+II+III+IV+V+VI+VII (Thuộc mục A)
* Tương ứng với cột B= Tổng cột I+II+III+IV+V+VI+VII (Thuộc mục B)
* Tương ứng các cột I của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL= 5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột II của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột III của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL= 5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột IV của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột V của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột VI của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột VII của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột I của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột II của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột III của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột IV của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột V của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột VI của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột VII của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* (6):
* Tương ứng cột tổng cộng (A +B) = Tổng của A+ B
* Tương ứng với cột A= Tổng cột I+II+III+IV+V+VI+VII (Thuộc mục A)
* Tương ứng với cột B= Tổng cột I+II+III+IV+V+VI+VII (Thuộc mục B)
* Tương ứng các cột I của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL= 6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột II của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột III của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL= 6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột IV của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột V của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột VI của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột VII của mục A = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột I của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột II của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột III của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột IV của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột V của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột VI của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Tương ứng các cột VII của mục B = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo)

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

* Số liệu từ (7)🡪 (20): Được tổng hợp từ việc cấp dưới import số liệu lên được tính = Tổng từng cột tương ứng của bản ghi có:
* Tương ứng cột tổng cộng (A +B) = Tổng của A+ B
* Tương ứng với cột A= Tổng cột I+II+III+IV+V+VI+VII (Thuộc mục A)
* Tương ứng với cột B= Tổng cột I+II+III+IV+V+VI+VII (Thuộc mục B)
* Cột I, II...= Tổng tại các cột đơn vị con tương ứng
* Các cột tương ứng với đơn vị Được tổng hợp từ việc cấp dưới import số liệu lên được tính = Tổng từng cột tương ứng của bản ghi có:

+ TEMPLATE\_PAYROLL.ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng

+ TEMPLATE\_PAYROLL.YEAR= Năm xuất báo cáo

#### Báo cáo mẫu IIA/NĐ106

##### Thông tin chung chức năng

Đường link: Báo cáo thống kê/ Các mẫu báo cáo khác/ Danh sách báo cáo/ Phụ lục IIA/NĐ106

##### Màn hình



##### Mô tả chi tiết các thành phần

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 | Đơn vị |  | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 2 | Ngày xuất báo cáo |  | Calendar control |  | NULL | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |

Template báo cáo:

1. TT: Fix cứng như template
2. Tên cơ quan/ đơn vị: Fix cứng như template
3. = (4)+(5)+(6)

* (4):
* Tương ứng cột tổng số= Tổng của I+ II
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Y tế = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – Đào tạo= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

(Ngày báo cáo between (ORGANIZATION .EFFECTIVE\_DATE.EXPIRED\_DATE) OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Y tế = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

AND

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột sự nghiệp khác = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=4

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

AND

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* (5): Tương ứng cột tổng số= Tổng của I+ II
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Y tế = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – Đào tạo= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

(Ngày báo cáo between (ORGANIZATION .EFFECTIVE\_DATE.EXPIRED\_DATE) OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Y tế = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

AND

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột sự nghiệp khác = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=5

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

AND

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* (6): Tương ứng cột tổng số= Tổng của I+ II
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Y tế = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – Đào tạo= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

(Ngày báo cáo between (ORGANIZATION .EFFECTIVE\_DATE.EXPIRED\_DATE) OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Y tế = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

AND

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông= COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột sự nghiệp khác = COUNT (ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của bản ghi có:

ORG\_LEVEL=6

AND

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

AND

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* (7)= (8)+(9)+(10)
* (8) Tương ứng cột tổng số= Tổng của I+ II
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM((ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM((ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM((ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Y tế

SUM((ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM((ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM((ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM((ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM((ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* (9) Tương ứng cột tổng số= Tổng của I+ II
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* (10) Tương ứng cột tổng số= Tổng của I+ II
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* (11)= (12)+(13)+(14)
* (12) Tương ứng cột tổng số= Tổng của I+ II
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_JOBHOLDER\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* (13) Tương ứng cột tổng số= Tổng của I+ II
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_68\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* (14) Tương ứng cột tổng số= Tổng của I+ II
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét – 1

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

* Tương ứng các cột giáo dục – đào tạo

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Giáo dục – nghề nghiệp

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Y tế

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột nghiên cứu khoa học

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Văn hóa, thể thao và du lịch

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Thông tin và truyền thông

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

* Tương ứng các cột Sự nghiệp khác

SUM(ORG\_HANDOVER\_MEMBER. EMP\_TYPE\_OTHER\_CONTRACT\_NUMBER) của bản ghi có:

YEAR = Năm kế hoạch đang xét

AND

ORG\_HANDOVER\_MEMBER. ASSIGNING\_DATE là Max

AND

OGANIZATION\_ID= OGANIZATION.OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

PATH LIKE %( ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của bản ghi có CODE= CĐVSN)%

AND

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND Ngày 31/12/Năm báo cáo>= ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày 01/01/Năm báo cáo <=ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

#### Báo cáo mẫu IIIA/NĐ106

##### Thông tin chung chức năng

Đường link: Báo cáo thống kê/ Các mẫu báo cáo khác/ Danh sách báo cáo/ Phụ lục IIIA/NĐ106

##### Màn hình



##### Mô tả chi tiết các thành phần

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 | Đơn vị |  | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 2 | Ngày xuất báo cáo |  | Calendar control |  | NULL | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |

Template báo cáo: 

1. TT: Fix cứng như template

* Trừ TT Đối với đơn vị🡪TT null

1. Đơn vị:

* Đối với đơn vị tương ứng TT is not null🡪 Fix cứng như template
* Đối với đơn vị tương ứng TT null

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Y tế = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khoa học = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Thông tin truyền thông = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Sự nghiệp khác = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Y tế = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khoa học = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Thông tin truyền thông = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Sự nghiệp khác = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Y tế = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khoa học = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Thông tin truyền thông = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Sự nghiệp khác = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – Đào tạo = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Y tế = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Nghiên cứu khoa học = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Thông tin truyền thông = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Sự nghiệp khác = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

1. = (4)+(5)+(6)

* (4):
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng với cột III= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục III)
* Tương ứng với cột IV= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục IV)
* Tương ứng cột đơn vị- Số lượng vị trí việc làm- Vị trí lãnh đạo, quản lý

= COUNT (STRUCTURE\_WORK\_POSITION\_ORG. STRUCTURE\_WORK\_POSITION\_ORG\_ID) của bản ghi có:

WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có TYPE=1

AND

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng

* (5):
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng với cột III= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục III)
* Tương ứng với cột IV= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục IV)
* Tương ứng cột đơn vị- Số lượng vị trí việc làm- Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành

= COUNT (STRUCTURE\_WORK\_POSITION\_ORG. STRUCTURE\_WORK\_POSITION\_ORG\_ID) của bản ghi có:

WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có TYPE=2

AND

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng

* (6):
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng với cột III= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục III)
* Tương ứng với cột IV= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục IV)
* Tương ứng cột đơn vị- Số lượng vị trí việc làm- Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn

= COUNT (STRUCTURE\_WORK\_POSITION\_ORG. STRUCTURE\_WORK\_POSITION\_ORG\_ID) của bản ghi có:

WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có TYPE=3

AND

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng

* (7):
* Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)
* Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)
* Tương ứng với cột III= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục III)
* Tương ứng với cột IV= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục IV)
* Tương ứng cột đơn vị- Số lượng vị trí việc làm- Vị trí hỗ trợ phục vụ

= COUNT (STRUCTURE\_WORK\_POSITION\_ORG. STRUCTURE\_WORK\_POSITION\_ORG\_ID) của bản ghi có:

WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có TYPE=4

AND

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị tương ứng

* (8) = (9)+(10)+(11)+(12)
* (9)

Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)

Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)

Tương ứng với cột III= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục III)

Tương ứng với cột IV= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục IV)

Tương ứng cột đơn vị- Số người làm việc theo vị trí việc làm- Vị trí lãnh đạo, quản lý

= COUNT (EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID = WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION.ORGANIZATION\_ID tương ứng

AND

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

WORK\_PROCESS. WORK\_PROCESS\_ID= WORK\_PROCESS\_WORK\_POSITION. WORK\_PROCESS\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có TYPE =1

* (10)

Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)

Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)

Tương ứng với cột III= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục III)

Tương ứng với cột IV= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục IV)

Tương ứng cột đơn vị- Số người làm việc theo vị trí việc làm- Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành

= COUNT (EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID = WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION.ORGANIZATION\_ID tương ứng

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

WORK\_PROCESS. WORK\_PROCESS\_ID= WORK\_PROCESS\_WORK\_POSITION. WORK\_PROCESS\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có TYPE =2

* (11)

Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)

Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)

Tương ứng với cột III= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục III)

Tương ứng với cột IV= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục IV)

Tương ứng cột đơn vị- Số người làm việc theo vị trí việc làm- Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn

= COUNT (EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID = WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION.ORGANIZATION\_ID tương ứng

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

WORK\_PROCESS. WORK\_PROCESS\_ID= WORK\_PROCESS\_WORK\_POSITION. WORK\_PROCESS\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có TYPE =3

* (12)

Tương ứng với cột I= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục I)

Tương ứng với cột II= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục II)

Tương ứng với cột III= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục III)

Tương ứng với cột IV= Tổng cột 1+2+3+4+5+6=7 (Thuộc mục IV)

Tương ứng cột đơn vị- Số người làm việc theo vị trí việc làm- Vị trí hỗ trợ phục vụ

= COUNT (EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID = WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION.ORGANIZATION\_ID tương ứng

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

WORK\_PROCESS. WORK\_PROCESS\_ID= WORK\_PROCESS\_WORK\_POSITION. WORK\_PROCESS\_ID của bản ghi có WORK\_POSITION\_ID= WORK\_POSITION .WORK\_POSITION\_ID của bản ghi có TYPE =4

#### Báo cáo mẫu IVA/NĐ106

##### Thông tin chung chức năng

Đường link: Báo cáo thống kê/ Các mẫu báo cáo khác/ Danh sách báo cáo/ Phụ lục IVA/NĐ106

##### Màn hình



##### Mô tả chi tiết các thành phần

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 1 | Đơn vị |  | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  Ngày kết thúc hiệu lực của Đơn vị > ngày hiện tại hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  CURDATE () BETWEEN EFFECTIVE\_DATE  AND COALESCE (EXPIRED\_DATE, CURDATE ())  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |
| 2 | Ngày xuất báo cáo |  | Calendar control |  | NULL | Là trường bắt buộc  Cho phép sửa |

Template báo cáo: 

* (1) TT: Fix cứng như template
* Trừ TT Đối với đơn vị🡪TT null
* Đơn vị:

Cộng (I+II)

Cộng (III+IV)

Cộng (I+II+III+IV)

* Đối với đơn vị tương ứng TT is not null🡪 Fix cứng như template
* Đối với đơn vị tương ứng TT null

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Y tế = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khoa học = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Thông tin truyền thông = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Sự nghiệp khác = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= NSNN

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Y tế = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khoa học = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Thông tin truyền thông = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Sự nghiệp khác = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CDT-TX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Y tế = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khoa học = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Thông tin truyền thông = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Sự nghiệp khác = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – Đào tạo = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – Nghề nghiệp = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Y tế = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Nghiên cứu khoa học = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Thông tin truyền thông = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

+ Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Sự nghiệp khác = ORGANIZATION.NAME của bản ghi:

(ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID cảu bản ghi có CODE= CTX-1

SORT ORDER BY ORGANIZATION.ORG\_ORDER

* (3)= (4)+(5)+(6)+(7)+(8)
* (4)
* Cộng (I+II) = Tổng Mục I+II
* Cộng (III+IV) = Tổng Mục III+IV
* Cộng (I+II+III+IV) = Tổng Mục I+II+ III+IV
* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

* WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1
* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD1

* (5)
* Cộng (I+II) = Tổng Mục I+II
* Cộng (III+IV) = Tổng Mục III+IV
* Cộng (I+II+III+IV) = Tổng Mục I+II+ III+IV
* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD2

* (6)
* Cộng (I+II) = Tổng Mục I+II
* Cộng (III+IV) = Tổng Mục III+IV
* Cộng (I+II+III+IV) = Tổng Mục I+II+ III+IV
* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD3

* (7)
* Cộng (I+II) = Tổng Mục I+II
* Cộng (III+IV) = Tổng Mục III+IV
* Cộng (I+II+III+IV) = Tổng Mục I+II+ III+IV
* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD4

* (9)
* Cộng (I+II) = Tổng Mục I+II
* Cộng (III+IV) = Tổng Mục III+IV
* Cộng (I+II+III+IV) = Tổng Mục I+II+ III+IV
* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= NSNN

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CDT-TX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – Đào tạo = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Giáo dục – nghề nghiệp= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNGDDN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Y tế = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNYT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Nghiên cứu khao học = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNKHCN

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Văn hóa, thể thao và du lịch = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNVHTTDL

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thông tin và truyền thông = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNTTVTT

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

* Tương ứng Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc sự nghiệp khác = EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của bản ghi: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID của bản ghi có:

Ngày báo cáo between (WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE, WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE)

AND

( (ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION .ORGANIZATION\_ID của đơn vị đã chọn

OR

PATH Like %( ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID) của đơn vị xuất báo cáo))

AND

((Ngày báo cáo Between (ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE,ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE)

OR (Ngày báo cáo >=ORGANIZATION . EFFECTIVE\_DATE AND ORGANIZATION .EXPIRED\_DATE IS NULL))

AND

ORGANIZATION. ORG\_CAREER\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= SNK

AND

ORGANIZATION. ORGANIZATION\_ID= ORG\_DEGREE\_AUTONOMY. DEGREE\_AUTONOMY của bản ghi có YEAR = Năm của ngày xuất báo cáo AND DEGREE\_AUTONOMY=SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= CTX-1

AND

WORK\_PROCESS.EMP\_TYPE\_ID=EMP\_TYPE.EMP\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE =VC

AND

WORK\_PROCESS. POSITION\_WAGE\_ID = POSITION\_WAGE .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có POSITION\_LEVEL= SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có CODE= HCD5

#### Mẫu 2C TCTW 98

##### Thông tin chung chức năng

Link đẻ dưới mẫu 2C mới



##### Màn hình

##### Mô tả chi tiết các thành phần

Template : 

* (1) Bộ, Tỉnh: Fix cứng Bộ Giao Thông Vận Tải
* (2) Đơn vị trực thuộc = OGANIZATION.NAME của bản ghi có:

OGANIZATION.ORG\_PARENT\_ID=OGANIZATION. OGANIZATION\_ID của bản ghi có OGANIZATION\_ID= WORK\_PROCESS. OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

WORK\_PROCESS .EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

AND

( CURDATE () BETWEEN WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (WORK\_PROCESS .EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

* (3) Đơn vị cơ sở = OGANIZATION.NAME của bản ghi có:

OGANIZATION\_ID= WORK\_PROCESS. OGANIZATION\_ID của bản ghi có:

WORK\_PROCESS .EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

AND

( CURDATE () BETWEEN WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (WORK\_PROCESS .EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

* (4) Số hiệu cán bộ, công chức= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_CODE của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (5) Họ và tên khai sinh = EMPLOYEE.FULL\_NAME của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (6) Nam, Nữ = EMPLOYEE.GENDER của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (7) Các tên gọi khác = EMPLOYEE. OTHER\_NAME của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (8) Cấp ủy hiện tại: = EMP\_POLITICAL\_PROCESS. POSITION\_NAME cảu bản ghi có: EMPLOYEE\_ID = EMPLOYEE .EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

AND

( CURDATE () BETWEEN EMP\_POLITICAL\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (EMP\_POLITICAL\_PROCESS.EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

AND

POSITION\_TYPE= 1

AND

POLITICAL\_ORG\_TYPE\_ID = SYS\_CAT. SYS\_CAT\_ID của bản ghi có

CODE =01

AND

SYS\_CAT\_TYPE\_ID = SYS\_CAT\_TYPE. SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= LHTC

* (9) Cấp ủy kiêm: = EMP\_POLITICAL\_PROCESS. POSITION\_NAME cảu bản ghi có: EMPLOYEE\_ID = EMPLOYEE .EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

AND

( CURDATE () BETWEEN EMP\_POLITICAL\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (EMP\_POLITICAL\_PROCESS.EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

AND

POSITION\_TYPE= 2

AND

POLITICAL\_ORG\_TYPE\_ID = SYS\_CAT. SYS\_CAT\_ID của bản ghi có

CODE =01

AND

SYS\_CAT\_TYPE\_ID = SYS\_CAT\_TYPE. SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= LHTC

* (10) Phụ cấp chức vụ = ALLOWANCE.NAME của bản ghi có ALLOWANCE\_ID =EMP\_ALLOWANCE\_PROCESS. ALLOWANCE\_ID của bản ghi có:

ALLOWANCE\_TYPE\_ID= ALLOWANCE\_TYPE. ALLOWANCE\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= PCCV

AND

( CURDATE () BETWEEN EMP\_ALLOWANCE\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (EMP\_ALLOWANCE\_PROCESS.EXPIRED\_DATE, CURDATE

()))

AND

EMP\_ALLOWANCE\_PROCESS.EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID

của nhân viên đang xét

* (11) Sinh ngày tháng năm = EMPLOYEE. DATE\_OF\_BIRTH của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (12) Quê quán = EMPLOYEE.ORIGIN của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (13) Nơi ở hiện tại = EMPLOYEE .CURRENT\_ADDRESS của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (14) Điện thoại = EMPLOYEE .PHONE\_NUMBER của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (15) Dân tộc = EMPLOYEE . ETHNIC\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (16) Tôn giáo = EMPLOYEE . RELIGION\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (17) Thành phần gia đình xuất thân =SYS\_CAT.NAME của bản ghi có :

SYS\_CAT\_ID= EMPLOYEE. FAMILY\_TYPE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID= EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID cảu bản ghi có CODE = TPGD

* (18) Nghề nghiệp của bản thân trước khi được tuyển dụng = EMPLOYEE. CURRENT\_CAREER của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (19) Ngày được tuyển dụng = EMPLOYEE . RECRUITMENT\_DATE của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (20) Vào cơ quan nào, ở đâu = EMPLOYEE . RECRUITMENT\_ORGANIZATION của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (21) Ngày vào cơ quan hiện đang công tác = WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE của bản ghi có:

( CURDATE () BETWEEN WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (WORK\_PROCESS .EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

AND

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (22) Ngày tham gia cách mạng = EMPLOYEE . REVOLUTION\_DATE (Bổ sung vào tab thông tin chung dạng textbox maxlenght 255) của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (23) Ngày vào Đảng Cộng Sản Việt Nam = EMP\_PARTY\_UNION. PARTY\_ADMISSION\_DATE của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (24) Ngày chính thức = EMP\_PARTY\_UNION. PARTY\_OFFICIAL\_ADMISSION\_DATE của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (25) Ngày tham gia các tổ chức chính trị xã hội = EMP\_POLITICAL\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE cảu bản ghi có : EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

AND

EFFECTIVE\_DATE Min

* (26) Ngày nhập ngũ = EMPLOYEE . ENLISTMENT\_DATE của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (27) Ngày xuất ngũ = EMPLOYEE . DISCHARGE\_DATE của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (28) Quân hàm =SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DMQHCN

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID= EMPLOYEE . HIGHEST\_MILITARY\_RANK của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (29) Trình độ học vấn = SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DMTDGDPT

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID= EMPLOYEE . EDUCATION\_LEVEL của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (30) Học hàm, học vị cao nhất = SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DMTDDT

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID= EMP\_EDUCATION\_PROCESS . EDUCATION\_GRADE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét AND IS\_MAIN\_EDU\_FORM =1

* (31) Lý luận chính trị = SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DMTD

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID= EMP\_POLITICAL\_DEGREES.POLITICAL\_ORG\_TYPE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID AND EMP\_POLITICAL\_DEGREE.EDUCATION\_FROM = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của

bản ghi có SORT\_ORDER là Min

* (32) Quản lý nhà nước = SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= TDQLNN

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID= EMP\_STATE\_MANAGEMENT.LEVEL\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID AND EMP\_STATE\_MANAGEMENT.LEVEL\_ID = SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID của bản ghi có SORT\_ORDER là Min

* (33) Ngoại ngữ= SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DMNN

AND

SYS\_CAT \_ID= EMP\_LANGUAGE\_DEGREE.LANGUAGE\_DEGREE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID + SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= TDNN

AND

SYS\_CAT \_ID= EMP\_LANGUAGE\_DEGREE. LANGUAGE\_DEGREE\_TYPE của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID (Nếu nhiều trình độ sẽ liệt kê mỗi trình độ là 1 gạch đầu dòng như mẫu 2C)

* (34) Ngạch công chức/chức danh nghề nghiệp = POSITION\_WAGE.NAME của bản ghi có POSITION\_WAGE\_ID = WORK\_PROCES .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có Công tác chính đang làm = POSTION\_WAGE.NAME của bản ghi có ( CURDATE () BETWEEN WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (WORK\_PROCESS .EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

AND

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (35) Mã số = POSITION\_WAGE.CODE của bản ghi có POSITION\_WAGE\_ID = WORK\_PROCES .POSITION\_WAGE\_ID của bản ghi có ( CURDATE () BETWEEN WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (WORK\_PROCESS .EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

AND

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (36) Bậc lương = SALARY\_STEP.NAME của bản ghi có SALARY\_STEP\_ID =INSURANCE\_SALARY\_PROCESS.

SALARY\_STEP\_ID của bản ghi có:

( CURDATE () INSURANCE\_SALARY\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (INSURANCE\_SALARY\_PROCESS.EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

AND

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (37) Hệ số = SALARY\_STEP. FACTOR của bản ghi có SALARY\_STEP\_ID =INSURANCE\_SALARY\_PROCESS.

SALARY\_STEP\_ID của bản ghi có:

( CURDATE () INSURANCE\_SALARY\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (INSURANCE\_SALARY\_PROCESS.EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

AND

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (38) Từ tháng = INSURANCE\_SALARY\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE (Lấy tháng/năm)

của bản ghi có:

( CURDATE () INSURANCE\_SALARY\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE

AND COALESCE (INSURANCE\_SALARY\_PROCESS.EXPIRED\_DATE, CURDATE ()))

AND

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (39) Danh hiệu được phong = (SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DHPTCN

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID= EMPLOYEE . ACADEMIC\_RANK\_LAST của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét )-( EMPLOYEE. ACADEMIC\_RANK\_LAST\_DATE(trường này bổ sung dạng combobox giá trị từ năm hiện tại-50 năm, Năm hiện tại+50 năm) của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét)

* (40) Sở trường công tác = EMPLOYEE . FORTE của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (41) Công việc làm lâu nhất = EMPLOYEE . LONGEST\_JOB của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (42) Khen thưởng =( (SYS\_CAT.NAME củu bản ghi có SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DHKT

AND

SYS\_CAT\_ID = REWARD\_REPORT\_MAP\_ ORGANIZATION\_ EMPLOYEE. REWARD\_FORM của

bản ghi có

EMPLOYEE\_ID= EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

AND

REWARD\_REPORT\_ID = REWARD\_ DECISION\_MAP\_ REWARD\_REPORT. REWARD\_ DECISION\_ID của bản ghi có REWARD\_ DECISION\_ID = REWARD\_ DECISION.ID Của bản ghi có : STATUS =1) - (REWARD\_ DECISION. SIGNED\_DATE (LẤY NĂM) của bản ghi có STATUS =1 AND REWARD\_ DECISION.ID = REWARD\_ DECISION\_MAP\_ REWARD\_REPORT .REWARD\_ DECISION\_ID của bản ghi có REWARD\_REPORT\_ID = REWARD\_REPORT\_MAP\_ ORGANIZATION\_ EMPLOYEE. REWARD\_REPORT\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_ID= EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét)

OR

((SYS\_CAT.NAME củu bản ghi có SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DHKT

AND

SYS\_CAT\_ID = REWARD\_DECISION\_FILE.REWARD\_FORM của bản ghi có EMPLOYEE\_ID= EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét ) – (REWARD\_DECISION\_FILE. REWARD\_DATE (Lấy Năm) của bản ghi có EMPLOYEE\_ID= EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét))

* (43) Kỷ luật =(SYS\_CAT.NAME củu bản ghi có SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= HTKLCQ

AND

SYS\_CAT \_ID= EMP\_DISCIPLINE. DISCIPLINE\_FORM\_ID bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID)-( EMP\_DISCIPLINE. EFFECTIVE\_DATE (Lấy Năm) bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID)

* (44) Tình trạng sức khỏe: EMPLOYEE .HEALTH\_STATUS của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (45) Cao: EMPLOYEE. HEIGHT của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (46) Cân nặng: EMPLOYEE. WEIGHT của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (47) Nhóm máu: SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= NM

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID= EMPLOYEE. BLOOD\_GROUP của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (48) Số chứng minh nhân dân = EMPLOYEE. PID\_NUMBER của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (49) Thương binh loại: SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DMTBBM

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID= EMPLOYEE. VETERAN\_RANK của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (49) Gia đình liệt sỹ = SYS\_CAT.NAME của bản ghi có:

SYS\_CAT\_TYPE\_ID= SYS\_CAT\_TYPE.SYS\_CAT\_TYPE\_ID của bản ghi có CODE= DMCGDCS

AND

SYS\_CAT.SYS\_CAT\_ID= EMPLOYEE. BACKGROUND của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* (50) Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học 🡪như 2C cũ
* (51) Tóm tắt quá trình công tác 🡪như 2C cũ
* (52) khai rõ bị bắt, vào tù = EMPLOYEE. CLEARLY\_STATED của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét
* (53) bản thân làm việc trong chế độ cũ = EMP\_OLD\_REGIME\_PROCESS. ORGANIZATION\_NAME; EMP\_OLD\_REGIME\_PROCESS. ADDRESS; EMP\_OLD\_REGIME\_PROCESS.POSITION\_NAME; EMP\_OLD\_REGIME\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE - EMP\_OLD\_REGIME\_PROCESS. EXPIRED\_DATE
* (54) Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị nước ngoài ..= EMP\_POLITICAL\_PROCESS. POSITION\_NAME; EMP\_POLITICAL\_PROCESS. ORGANIZATION\_NAME; EMP\_POLITICAL\_PROCESS. ADDRESS

của bản ghi có EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

AND

IS\_FOREIGN\_PROCESS=1

* (55) Có thân nhân (Bố,mẹ...)🡪 như mẫu 2C
* (56) Quan hệ gia đình 🡪 mẫu 2C
* (57) Hoàn cảnh kinh tế:
* Quá trình lương của bản thân
* Tháng/năm = INSURANCE\_SALARY\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Ngạch/bậc = SALARY\_STEP.NAME của bản ghi có SALARY\_STEP. SALARY\_STEP \_ID= INSURANCE\_SALARY\_PROCESS. SALARY\_STEP\_ID của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Hệ số lương = SALARY\_STEP.FACTOR của bản ghi có SALARY\_STEP. SALARY\_STEP \_ID= INSURANCE\_SALARY\_PROCESS. SALARY\_STEP\_ID của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Nguồn thu nhập chính của gia đình
* Lương = EMP\_FAMILY\_INCOME. WAGE của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Các nguồn khác = EMP\_FAMILY\_INCOME. OTHER của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Nhà ở- Được cấp, được thuê, loại nhà = EMP\_FAMILY\_INCOME. GRANTED\_HOUSE\_TYPE của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Tổng diện tích sử dụng = EMP\_FAMILY\_INCOME. GRANTED\_HOUSE\_SQUARE của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Nhà tự mua, loại nhà = EMP\_FAMILY\_INCOME. OWNED\_HOUSE\_TYPE của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Tổng diện tích sử dụng = EMP\_FAMILY\_INCOME. OWNED\_HOUSE\_SQUARE của bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Đất ở- Đất đươc cấp = EMP\_FAMILY\_INCOME. GRANTED\_LAND\_SQUAREcủa bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Đất tự mua = EMP\_FAMILY\_INCOME. GRANTED\_LAND\_SQUAREcủa bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét

* Đất sản xuất, kinh doanh = EMP\_FAMILY\_INCOME. PRODUCTION\_LAND bản ghi có

EMPLOYEE\_ID=EMPLOYEE. EMPLOYEE\_ID của nhân viên đang xét